

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa
phương;*

*Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP
ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của
Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;*

*Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh tại Tờ
trình số 16/TTr-HĐQL ngày 09 tháng 5 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/...9.../2022

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, PKT;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

ĐẠI CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến



ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh
(kèm theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 05/9/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn; cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành; chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán; việc giải thể; trách nhiệm của các cơ quan có liên quan và một số nội dung khác.

2. Đối tượng áp dụng

Điều lệ này áp dụng trong hoạt động tại Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh (gọi tắt là *Quỹ*) và các đối tượng có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Vốn điều lệ” là mức vốn quy định tại Điều lệ này.
2. “Vốn điều lệ thực có” là số vốn điều lệ đã được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ.
3. “Vốn hoạt động” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ tại một thời điểm.
4. “Người quản lý Quỹ” là người giữ các chức danh, chức vụ bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
5. “Người có liên quan” là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.
6. “Cho vay hợp vốn” là việc Quỹ và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.

**Điều 3. Tên gọi và nơi trụ sở chính**

1. Tên gọi của Quỹ

- a) Tên gọi tiếng việt: Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh.
- b) Tên giao dịch quốc tế: Tay Ninh Development Investment Fund.
- c) Tên viết tắt: TDIF.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Đường 30/4, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Điện thoại, fax, email, trang điện tử

- a) Điện thoại: 0276.3811288.
- b) Fax: 0276.3813661.
- c) Email: Quydautuphattrien@tayninh.gov.vn.
- d) Trang điện tử: www.TDIF.VN.

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thành lập tại Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 12/11/2002, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Điều lệ này. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc.

Điều 5. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.

c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này.

2. Phạm vi hoạt động

a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Vốn Điều lệ

1. Vốn điều lệ của Quỹ là: 1.000.000.000.000 đồng (Một ngàn tỷ đồng).

2. Vốn điều lệ sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung từ nguồn ngân sách cấp và nguồn trích từ Quỹ Đầu tư phát triển theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm của Quỹ

a) Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo theo quy định tại Điều lệ này.

c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

d) Tuân thủ quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Quyền hạn của Quỹ

a) Tổ chức hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Được lựa chọn các dự án đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay theo quy định tại Điều lệ này.

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật.

đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

e) Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án.

g) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư; định giá tài sản đảm bảo tiền vay.

h) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay, đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.

i) Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

k) Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

l) Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

m) Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 9. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

a) Hội đồng quản lý.

b) Ban kiểm soát.

c) Ban điều hành gồm: Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Điều lệ này.

Điều 10. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa 05 người, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm. Giám đốc Quỹ kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ quản lý khác tại Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về số lượng thành viên và nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý theo nguyên tắc số lượng thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ là số lẻ; quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm có:

- a) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng quản lý.
- b) Lãnh đạo Sở Tài chính: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý.
- c) Giám đốc Quỹ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý (hoạt động chuyên trách).
- d) Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước: Thành viên Hội đồng quản lý.
- đ) Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thành viên Hội đồng quản lý.

4. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ; không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản lý.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh này.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

7. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ được thể hiện bằng Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý.

8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

b) Thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ gồm: Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản cố định; Quy chế huy động vốn; Quy chế cho vay; Quy chế quản lý các khoản đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; Quy chế quản lý các khoản đầu tư theo hình thức hợp đồng, thực hiện dự án đầu tư; Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác và các quy chế khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

đ) Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Điều lệ này.

e) Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

g) Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

h) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

i) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

k) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

9. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản lý được hưởng chế độ thù lao, tiền thưởng theo chế độ hiện hành.

Điều 11. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ.

2. Ban Kiểm soát có tối đa 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào quy mô, tính chất và thực tế hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ trình. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý quyết định theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên Quỹ; không là người có liên quan của người quản lý Quỹ hoặc không là người liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.

d) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch thực hiện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

đ) Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn; việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

7. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ. Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 12. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ, Thủ quỹ tại Quỹ; Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền.

c) Quyết định tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (trưởng hoặc phó phòng nghiệp vụ) và người lao động theo quy định pháp luật hiện hành.

d) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ) Ban hành các Quy trình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước và các Quy chế hoạt động do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

e) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý Quỹ và Điều lệ này.

Điều 13. Phó Giám đốc, Kế toán Trưởng Quỹ và bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc

a) Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Số lượng Phó Giám đốc là 03 người.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Quỹ

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

- Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

- Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ; Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Phó Giám đốc.

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

c) Phó Giám đốc do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

d) Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với thời hạn là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc áp dụng theo quy định pháp luật.

2. Kế toán Trưởng

a) Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

b) Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Quỹ

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

- Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.

- Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ, Thủ quỹ tại Quỹ và người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kế toán trưởng Quỹ;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

c) Kế toán Trưởng Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi

nhiệm theo quy định pháp luật. Kế toán Trưởng Quỹ được bổ nhiệm với thời hạn là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Bộ máy giúp việc

a) Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm các phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ.

b) Việc tuyển dụng lao động, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo phòng nghiệp vụ của Quỹ được thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Mục 1

DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY CỦA QUỸ

Điều 14. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đề xuất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bao gồm: giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, năng lượng, nhà ở, văn hóa, du lịch, giao thông, các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Trên cơ sở danh mục đề xuất của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

Điều 15. Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

2. Trường hợp có nhu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 14 và khoản 1 Điều này.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 16. Nguyên tắc và hình thức đầu tư

1. Việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để đầu tư phải tuân thủ theo quy định tại Điều lệ này và không thuộc phạm vi đầu tư công. Ngoài các quy định tại Điều lệ này, hoạt động đầu tư của Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.

2. Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư bao gồm:

- a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế.
- b) Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.
- c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng (hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP và hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC) hoặc thực hiện dự án đầu tư.
- d) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Quỹ không được đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp, thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là người có liên quan của người quản lý Quỹ.

b) Góp vốn cùng công ty con để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng.

Điều 17. Đối tượng đầu tư

1. Đối tượng đầu tư của Quỹ là các dự án, doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

2. Căn cứ vào danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Quỹ lựa chọn, thẩm định, quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ này.

Điều 18. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế

1. Việc đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư.

b) Tổ chức kinh tế được đầu tư, góp vốn có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

2. Quỹ quản lý, chuyển nhượng phần vốn góp tại các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 19. Đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư

1. Việc đầu tư dự án của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Dự án được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư.
- b) Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.
- c) Dự án tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thành lập doanh nghiệp dự án để quản lý dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quỹ triển khai thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Quỹ (Giám đốc) quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

3. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

Điều 21. Giới hạn đầu tư

1. Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

2. Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CHO VAY

Điều 22. Đối tượng và điều kiện cho vay

1. Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Có dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.
 - b) Không là công ty con của Quỹ.
 - c) Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.
2. Điều kiện cho vay:
 - a) Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay quy định tại khoản 1 Điều này.
 - b) Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, chủ đầu tư có khả năng trả được nợ vay.
 - c) Dự án vay vốn tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư.
 - d) Chủ đầu tư mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.

Điều 23. Thời hạn cho vay

1. Quỹ quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm.
2. Trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 24. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.
2. Định kỳ hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.
3. Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 25. Bảo đảm tiền vay

1. Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ xem xét, sử dụng các biện pháp đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay. Riêng biện pháp bảo đảm bằng tín chấp phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn.

Điều 26. Quy định về cho vay hợp vốn

1. Quỹ được làm đầu mối hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Dự án cho vay phải thuộc đối tượng cho vay của các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương tham gia, đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay và giới hạn cho vay theo quy định tại Điều 22 và Điều 28 Điều lệ này.

3. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Điều lệ này.

4. Lãi suất cho vay do các bên tham gia cho vay quyết định, được ghi trong hợp đồng và không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ Đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

Điều 27. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Quỹ (Giám đốc) quyết định đối với dự án cho vay có giá trị không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự án cho vay có giá trị lớn hơn mức quy định tại khoản 1 Điều này, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại Điều 28 Điều lệ này.

Điều 28. Giới hạn cho vay

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

3. Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu

của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết.

Điều 29. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay

1. Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

2. Các trường hợp xem xét xử lý rủi ro:

a) Chủ đầu tư bị thiệt hại về tài chính, tài sản do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro chính trị, chiến tranh gây ra ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

b) Chủ đầu tư bị phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

d) Chủ đầu tư gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

đ) Chủ đầu tư có khoản nợ xấu theo kết quả phân loại nợ của Quỹ.

3. Quỹ thành lập Hội đồng để xử lý rủi ro. Thành phần Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm 01 thành viên Hội đồng quản lý Quỹ làm Chủ tịch, 01 thành viên là Giám đốc Quỹ, 01 thành viên là Trưởng bộ phận có chức năng quản lý rủi ro và tối thiểu 02 thành viên khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Trường hợp sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Quỹ được xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng nếu có đủ hồ sơ chứng minh đã thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý.

5. Quỹ xây dựng quy chế xử lý rủi ro và trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quy chế xử lý rủi ro bao gồm các nội dung cơ bản sau: nguyên tắc xử lý rủi ro; các trường hợp, biện pháp xử lý rủi ro; hồ sơ, trình tự thủ tục sử dụng dự phòng rủi ro; quy trình xử lý rủi ro và thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro.

Điều 30. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ

1. Quỹ xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá của Quỹ về khả năng trả nợ của chủ đầu tư. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải đảm bảo thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại đáp ứng quy định về thời hạn cho vay theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này.

2. Quỹ được bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ.

3. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ của Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng. Quỹ ban hành quy chế nội bộ, trong đó quy định rõ về quy trình, thẩm quyền, các trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 31. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh).

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác.

c) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác.

d) Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có).

e) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

4. Chi phí dịch vụ nhận ủy thác: Quỹ sẽ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác theo thỏa thuận ghi trong Quyết định hoặc hợp đồng ủy thác.

Điều 32. Ủy thác

1. Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.
2. Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 33. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
2. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Việc xếp hạng Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
4. Kết quả hoạt động của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:
 - a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán.
 - b) Trích 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển.
 - c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ thì không trích nữa.
 - d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý.
 - đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.
5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ. Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định

tại Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Điều lệ này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 34. Vốn chủ sở hữu

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

- a) Vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp.
- b) Quỹ Đầu tư phát triển.
- c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ:

a) Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ ghi tại Quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, đảm bảo mức vốn tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

b) Trường hợp cấp bổ sung vốn điều lệ từ Quỹ Đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ áp dụng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 35. Huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo các hình thức sau đây:

a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ.

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

Điều 36. Phát hành trái phiếu Quỹ

1. Quỹ phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ tại thị trường trong nước theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của Quỹ:

a) Quỹ có thời gian hoạt động tối thiểu từ 01 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Quỹ.

b) Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá xếp loại hoạt động có hiệu quả năm trước liền kề của năm phát hành theo quy định tại Điều lệ này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c) Đảm bảo tuân thủ quy định về nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

d) Có phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong đó nêu cụ thể về mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu và nguồn bố trí trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

đ) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn.

e) Đáp ứng các giới hạn đầu tư, cho vay, huy động vốn theo quy định tại Điều lệ này.

3. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu, đối tượng mua và giao dịch trái phiếu, quy trình, hồ sơ, phương án phát hành, phương thức phát hành, việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước.

Điều 37. Vốn nhận ủy thác

Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ và được hạch toán, quản lý tách bạch với vốn hoạt động của Quỹ.

Điều 38. Bảo toàn an toàn vốn của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn và sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn vốn và tài sản theo quy định tại Điều lệ này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về biến động vốn chủ sở hữu của Quỹ.

2. Việc bảo toàn vốn được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối chênh lệch thu chi, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này và trích lập dự phòng khác theo quy định đối với doanh nghiệp. Chi phí trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 39. Kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm

1. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động 05 năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Quỹ xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm để Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Kế hoạch tài chính hàng năm bao gồm: kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch hàng năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm tiếp theo.

b) Trước ngày 30 tháng 4 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm để Quỹ triển khai, thực hiện.

Điều 40. Chế độ báo cáo của Quỹ

1. Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 41. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Hàng năm, Quỹ đánh giá hiệu quả hoạt động theo các chỉ tiêu bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác.

b) Chỉ tiêu 2: Chênh lệch thu - chi và tỷ suất chênh lệch thu - chi trên vốn chủ sở hữu.

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư.

d) Chỉ tiêu 4: Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

3. Các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xác định và tính toán trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật. Khi tính toán các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:

a) Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác.

b) Do Nhà nước điều chỉnh chính sách hoặc biến động của thị trường làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu và tình hình hoạt động của Quỹ.

c) Do Quỹ thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Nhà nước khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ cho các đối tượng vay; điều chỉnh lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

4. Đánh giá hiệu quả hoạt động của người quản lý của Quỹ theo các tiêu chí sau:

a) Kết quả việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

b) Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ.

c) Việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy chế hoạt động Quỹ.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, CÁC DOANH NGHIỆP VAY VÀ NHẬN VỐN ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Điều 42. Mối quan hệ giữa Quỹ với các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ

1. Mối quan hệ giữa Quỹ với các cơ quan quản lý Nhà nước

Quỹ chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý của Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Mối quan hệ giữa Quỹ với các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ.

Quỹ với các doanh nghiệp có mối quan hệ thông qua hình thức vay vốn và hợp tác đầu tư trên tinh thần bình đẳng, đôi bên cùng có lợi, trên cơ sở hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thông qua Đề án thành lập Quỹ.

2. Quyết định phương thức tổ chức, điều hành của Quỹ.

3. Thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

4. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

5. Thực hiện giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

6. Thông qua phương án cơ cấu lại, giải thể Quỹ trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quyết định việc thành lập, cơ cấu lại và giải thể Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo phương án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

4. Phê duyệt điều lệ hoạt động của Quỹ hoặc phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Quyết định mô hình tổ chức của Quỹ, số lượng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

8. Có ý kiến chấp thuận đối với quy chế xử lý rủi ro của Quỹ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này.

9. Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

10. Quyết định phê duyệt đầu tư, cho vay theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

11. Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ.

12. Phê duyệt kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ.

13. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Theo dõi, giám sát việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính kế toán của Quỹ. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - chi nhánh tỉnh Tây Ninh thực hiện quản lý nguồn vốn của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này trong phạm vi chức

năng, nhiệm vụ được giao.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán chênh lệch thu, chi hàng năm của Quỹ theo quy định.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch hoạt động 05 năm, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo quy định.

4. Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh về lãi suất cho vay tối thiểu.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 46. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - chi nhánh tỉnh Tây Ninh

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động cho vay của Quỹ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Hướng dẫn thực hiện các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ cho vay và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay tại Quỹ.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 47. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh

1. Phối hợp với Sở Tài chính để thực hiện quản lý các hoạt động đầu tư của Quỹ.

2. Hướng dẫn các thủ tục đầu tư đối với công tác đầu tư tại Quỹ.

3. Phối hợp với Quỹ và các đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về danh mục lĩnh vực đầu tư và cho vay; kế hoạch hoạt động 5 năm, kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ theo quy định.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 48. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tây Ninh

1. Hướng dẫn thực hiện cơ chế về tiền lương, tiền thưởng, xếp hạng và xếp lương đối với Quỹ.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lao động, quỹ lương kế hoạch, quỹ lương thực hiện của người quản lý Quỹ hàng năm.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 49. Trách nhiệm của các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ

1. Trách nhiệm của các doanh nghiệp vay vốn của Quỹ

a) Chấp hành đúng các quy định của Quỹ và quy định của pháp luật.

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã

cung cấp.

c) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các cam kết khác.

d) Trả nợ gốc và lãi vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ vay và thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

e) Thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ khác được quy định cụ thể tại Quy chế cho vay của Quỹ.

2. Trách nhiệm của các doanh nghiệp nhận vốn đầu tư của Quỹ

a) Triển khai thực hiện đầu tư theo đúng các quy định pháp luật hiện hành của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp...và các văn bản pháp luật khác liên quan về quản lý đầu tư xây dựng.

b) Thành lập Ban quản lý dự án hoặc thuê tổ chức có tư cách pháp nhân đủ điều kiện và năng lực thực hiện tư vấn quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

c) Đơn vị quản lý dự án thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ đầu tư theo chức năng quản lý dự án; tham mưu cho chủ đầu tư thực hiện chức năng chủ đầu tư, tạm ứng vốn, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và xử lý các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư theo quy định pháp luật. Theo dõi và báo cáo tiến độ thực hiện dự án với chủ đầu tư.

d) Tổ chức khai thác, kinh doanh dự án đầu tư, thu hồi vốn theo quy định pháp luật.

đ) Tiến hành khai thác, thu hồi vốn và lãi đầu tư về cho Quỹ theo quyền lợi và trách nhiệm của Quỹ trong hợp đồng đã ký kết.

e) Thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ khác được quy định cụ thể tại Quy chế đầu tư vào các dự án của Quỹ.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ

Điều 50. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 51. Cơ cấu lại, giải thể Quỹ

1. Việc cơ cấu lại và giải thể Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 52. Các trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Quỹ đã thành lập và hoạt động nhưng sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị định số 147/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành vốn điều lệ thực có thấp hơn 300 tỷ đồng.

2. Quỹ bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ và có tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay và đầu tư (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 năm liên tiếp.

3. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% hoặc tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư cao hơn 80% và lũy kế chênh lệch thu - chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 năm liên tiếp.

4. Các trường hợp Quỹ hoạt động không hiệu quả hoặc không cần thiết phải duy trì Quỹ theo đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 53. Hội đồng giải thể Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ.

2. Thành phần của Hội đồng giải thể bao gồm:

a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đại diện lãnh đạo các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ và Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Đại diện lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – chi nhánh tỉnh Tây Ninh.

d) Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ.

đ) Đại diện của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 54. Quy trình giải thể Quỹ

1. Hội đồng giải thể xây dựng phương án giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Phương án giải thể bao gồm các nội dung sau:

a) Đánh giá của tổ chức kiểm toán độc lập về thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ của Quỹ, trừ trường hợp Quỹ đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 6 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ.

b) Phương án thanh lý tài sản, xử lý nguồn vốn điều lệ, các khoản cho vay và đầu tư đang thực hiện và thanh toán các khoản nợ của Quỹ.

c) Phương án chuyển giao các khoản nhận ủy thác của các tổ chức ủy thác.

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

đ) Điều khoản chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích của Quỹ.

2. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể Quỹ, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính và công bố việc giải thể trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trung ương.

3. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực:

a) Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 55 Điều lệ này.

b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 56 Điều lệ này.

4. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời gian giải thể Quỹ không quá 02 năm kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng tối đa không quá 01 năm.

Điều 55. Trách nhiệm của Quỹ sau khi có quyết định giải thể

1. Chấm dứt ngay hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư và các hoạt động có liên quan khi quyết định giải thể có hiệu lực.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ phải thực hiện:

a) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực.

b) Lập danh sách các khoản tiền gửi của Quỹ tại các tổ chức tín dụng; danh sách nợ phải trả, bao gồm các khoản vốn huy động; danh sách khách hàng cho vay và số nợ gốc, lãi phải thu (chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi); danh sách các dự án đầu tư, các khoản vốn góp tại tổ chức kinh tế và số vốn phải thu hồi từ các dự án này; danh sách các khoản ủy thác và nhận ủy thác.

c) Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

a) Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách các khoản cho vay, đầu tư, các khoản ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ.

b) Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ (kể cả tài sản chưa thu hồi được).

Điều 56. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

a) Thu hồi con dấu của Quỹ để phục vụ việc giải thể.

b) Tổ chức giải thể Quỹ theo phương án được duyệt.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải thể.

2. Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không quy định tại Điều lệ này được thực hiện theo Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 58. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng hợp kết quả hoạt động, báo cáo Hội đồng quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp./.